TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ - ST
Ngày 31/5/2019.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Nick Êban.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.
Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Tại – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 11/4/2019 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2019 và thông báo về thay đổi lịch phiên tòa số 05/2019/TA-TA, ngày 08/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1982.
Nơi cư trú: Thôn 1, xã EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk(Có mặt)
Bị đơn: Ông Phùng Hữu H, sinh năm: 1979.
Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.
Nơi cư trú hiện tại: Trại giam Đắc Tân thuộc thôn 1, xã EP, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà Dương Thị T và ông Phùng Hữu H là chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã EKt, huyện EK ngày 22/01/1999, quá trình sống chung có ba con chung là Phùng Quốc K, sinh ngày 04/8/2000, Phùng Trang N, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia B, sinh ngày 23/7/2009 hiện đang sống

cùng bà T. Sau khi lấy nhau về chung sống tại thôn 1, xã EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2000, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông H thường xuyên uống rượu về đánh đập bà T. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên bà T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà T có nguyện vọng xin nuôi dưỡng hai con chung là Phùng Trang N, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia B, sinh ngày 23/7/2009 đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Phùng Quốc K, sinh ngày 04/8/2000 đã trưởng thành, nên sống với ai là tùy sự lựa chọn, bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Phùng Hữu H trình bày có nội dung như sau:

Ông H và bà T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân EK, huyện EK ngày 22/01/1999.

Trong cuộc sống vợ chồng thì vẫn bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên có đôi lúc bức xúc thì tôi có tát bà T một vài cái vào mặt chứ nói đánh đập, hành hạ như bà T đã trình bày là không đúng. Nay bà T xin ly hôn ông H xác định mình còn một thời gian ngắn nữa là chấp hành án xong tại trại giam Đắc Tân, nên ông H muốn khi ra tù sẽ về bàn bạc lại với gia đình về vấn đề ly hôn của hai vợ chồng, nên ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình sống ông H với bà T thì có ba con chung là Phùng Quốc K, sinh ngày 04/8/2000, Phùng Trang N, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia B, sinh ngày 23/7/2009. Vì không muốn ly hôn với bà T nên về con chung ông H không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không đề cập giải quyết.

Ngày 25/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù ông Phùng Hữu H đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tống đạt hợp lệ nhưng ông H vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phùng Hữu H vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Hữu H. Về con chung: Bà T có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H có trách nhiệm trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định Điều 179; Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T. Cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Phùng Hữu H. Về con chung: Giao con chung là Phùng Trang Nhung, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia Bảo, sinh ngày 23/7/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Phùng Quốc K, sinh ngày 04/8/2000 đã đủ tuổi trưởng thành, nên sống với ai là tùy sự lựa chọn, đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phùng Hữu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Phùng Hữu H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân EK, huyện Ea Kar ngày 22/01/1999 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ năm 2000 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, đánh đập nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Mặc dù ông Phùng Hữu H xác định trong cuộc sống vợ chồng không mâu thuẫn, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên nay bà T làm đơn xin ly hôn thì ông H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết sau khi lấy nhau bà T và ông H sinh sống tại tại thôn 1, xã EK, ông H thường xuyên uống rượu về đánh đập bà T và đã có nhờ chính quyền địa phương đứng ra hòa giải.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con chung, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung, để ổn định tâm lý cũng như tạo mọi điều kiện cho con nhỏ phát triển nên cần giao hai con chung là Phùng Trang N, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia B, sinh ngày 23/7/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với con chung Phùng Quốc K, sinh ngày 04/8/2000 đã đủ 18 tuổi, nên sống với ai là tùy sự lựa chọn, đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Ông H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Phùng Hữu H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Trang N, sinh ngày 24/11/2003 và Phùng Gia B, sinh ngày 23/7/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với con chung cháu Phùng Quốc Khánh, sinh ngày 04/8/2000 đã đủ 18 tuổi, nên sống với ai là tùy sự lựa chọn, đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Ông Phùng Hữu H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0012768 ngày 16 tháng 01 năm 2019.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phùng Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện Ea Kar;
- UBND xã Eak Mút;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Luyên